

phục 3 yếu tố này để đưa xí nghiệp lên hiệu quả cao hơn.

+ Về tỷ lệ góp vốn, Nhà nước cần ban hành luật hoặc quy chế góp vốn trong đó nhà nước luôn chiếm tỷ lệ cao hơn khoảng từ 15-30%. Mỗi một cổ đông tư bản tư nhân không định vượt quá 10%. Trên cơ sở tỷ lệ góp vốn đó mà nhà nước nắm chủ tịch hội đồng quản trị nhằm chi phối sự định hướng phát triển của XN cổ phần. Mặt khác vận động cổ đông góp vốn là từ công nhân xí nghiệp cổ phần chiếm một tỷ lệ đáng kể. Làm như thế có phải là áp đặt không? Có làm cho cổ đông ngại không? Điều quan trọng là làm sao XN hoạt động có hiệu quả và các bên cùng có lợi là cơ sở để huy động vốn cổ đông.

+ Về sử dụng đội ngũ chuyên gia trong và ngoài nước

Lênin rất coi trọng việc sử dụng chuyên gia tư sản. Lênin đã từng đánh giá hết mặt trái chính sách này nhưng theo ông thì không có chuyện gì phải sợ mà không dám sử dụng họ. Để vận dụng tư tưởng này của Lênin từ TW đến thành phố mấy năm qua mở rộng quan hệ bên ngoài tranh thủ cá nhân và tổ chức trên nhiều lĩnh vực, nhất là về kinh tế, để làm tư vấn cho chính quyền, các chuyên gia Việt kiều và đã gặt hái được nhiều kết quả quan trọng. Đồng thời đã và đang gọi đi đào tạo chuyên gia ngày càng nhiều ở các nước tư bản.

Bên cạnh, cần phải có chính sách thu hút nhiều chuyên gia bên ngoài, chúng ta cần quan tâm hơn nữa việc phát huy đội ngũ chuyên gia bên trong (người Việt Nam trong và ngoài nước) bằng cách rước thầy mở lớp đào tạo lại tại chỗ hoặc đưa đi tu nghiệp bên ngoài để "làm mới" lại đội ngũ chuyên gia sẵn có. Ta cần tập trung tận dụng lực lượng chuyên gia bên trong là chính, sử dụng chuyên gia bên ngoài khi rất cần thiết và trong điều kiện ta chưa có hoặc đào tạo chưa kịp.

Tuy nhiên sử dụng chuyên gia bên ngoài chủ yếu là ta học kinh nghiệm, học "cái khôn" của họ. Nhưng khi áp dụng thì không rập khuôn máy móc mà phải căn cứ vào thực tiễn của nước ta, vào hoàn cảnh đặc thù của nước ta mà chọn lọc sử dụng những kinh nghiệm hay có lợi cho đất nước. Vì vậy để sử dụng tốt đội ngũ chuyên gia tư bản ta phải có đội ngũ chuyên gia của ta đủ năng lực và đủ bản lĩnh để tiếp cận với họ. Cho nên muốn thu hút chuyên gia bên ngoài tất yếu phải tập trung cho được đội ngũ chuyên gia bên trong và phát huy đúng mức vai trò của họ.

Việc rước giảng viên nước ngoài hoặc cử cán bộ đi đào tạo chuyên sâu ở nước ngoài phải có quy chế chặt chẽ để quản lý, không để tình trạng tự phát như hiện nay sẽ dẫn đến hậu quả không lường được.

Đánh giá cải cách kinh tế ở Việt Nam, các chuyên gia ngoại quốc cho rằng Việt Nam đã đạt được những bước tiến bộ nhanh hơn cả Trung Quốc, có hiệu quả cao hơn cả Nga và Đông Âu cùng thời điểm. Tuy nhiên những thành tựu ấy còn mong manh và quá trình cải cách "còn nhiều lỗ hổng".

Kinh nghiệm cải cách của các nước như Ghana, Peru, Brazil, Argentina, hay những nước gần ta như Philippines và Myanmar cho thấy lúc đầu họ cũng đạt được những thành quả đáng kể nhưng sau đó cải cách mất đà, không ra khỏi được giai đoạn khởi động và cuối cùng thất bại.

Liệu Việt Nam có thành công hay không? Điều đó phụ thuộc một cách quyết định vào vai trò của nhà nước.

Bài viết này chỉ đề cập đến vai trò của nhà nước đối với động lực cạnh tranh giữa các chủ thể kinh tế trong quá trình phát triển kinh tế ở Việt Nam.

NHÀ NƯỚC VÀ ĐỘNG LỰC CẠNH TRANH TRONG NỀN KINH TẾ VIỆT NAM HIỆN NAY

PHAN ĐÌNH QUYỀN

Tôi cho rằng việc tạo ra một môi trường cạnh tranh bình đẳng, "một sân chơi đồng nhất" kiểu kinh tế thị trường là một đòi hỏi bức bách hiện nay đối với nền kinh tế Việt Nam.

Đã thấm thía với những Hậu quả của kiểu kinh tế bao cấp, không ai trong chúng ta phủ nhận vai trò động lực kỳ diệu của cạnh tranh, nếu không kể những hạn chế của nó, có thể nói rằng không có cạnh tranh sẽ không có năng suất chất lượng và hiệu quả ngay cả xét vấn đề dưới góc độ một con người trong một guồng máy kinh tế. Do vậy bóp nghẹt cạnh tranh đồng nghĩa với việc từ chối những thứ ấy.

Hiện nay, trong khi xác định nền kinh tế nhiều thành phần là một chiến lược kinh tế lâu dài, và chúng cạnh tranh bình đẳng trước pháp luật, nhà nước xác định vai trò chủ đạo của kinh

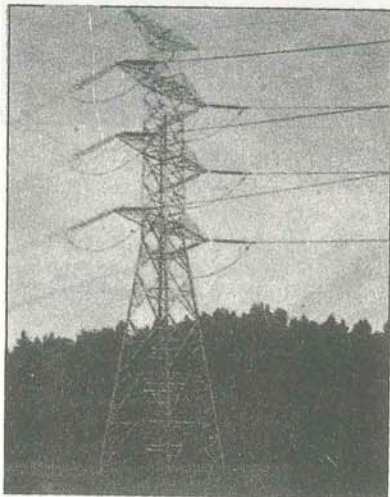
tế quốc doanh. Nhưng thế nào là chủ đạo vẫn chưa được làm rõ. Thiết nghĩ, nếu đó là việc nhà nước nắm các "đài chỉ huy", các "mạch máu kinh tế chính" có ảnh hưởng quyết định đến quốc phòng và an ninh quốc gia, hay đó là việc cung cấp hàng hóa công cộng thì không một nước nào lại không xác định như thế. Phải chăng nắm vai trò chủ đạo là phải nắm nhiều cơ sở sản xuất kinh doanh, chiếm tỉ trọng lớn trong GDP, chiếm giữ nhiều tài nguyên và lực lượng lao động... Ở đây, hoặc vô tình hoặc cố ý có nhiều cách hiểu và cũng có lắm "kiểu vận dụng". Đó là:

Một là, nhà nước ưu đãi, che chở kinh tế quốc doanh dưới nhiều hình thức như ưu tiên cấp giấy phép xuất nhập khẩu, quota, tín dụng, quyền sử dụng đất và tạo ra một hệ thống các



qui chế có lợi cho kinh tế quốc doanh và không lợi cho kinh tế tư nhân. Hiện nay có một sự hợp tác chặt chẽ giữa các doanh nghiệp quốc doanh, ngân hàng quốc doanh và chính quyền địa phương tạo thành một "tam giác" hỗ trợ cho nhau và gây khó khăn cho người ngoài cuộc là kinh tế tư nhân, tạo ra một tình trạng mà giáo sư Perkins gọi là "vùng tranh tối tranh sáng", là chương ngại chủ yếu của tiến trình cải cách. Trong một môi trường kinh doanh như thế, các công cụ đích thực sắc bén của kinh tế thị trường như giá cả và lợi nhuận bị biến dạng và bị thủ tiêu. Cũng chính vì vậy, muốn tồn tại người ta phải "núp bóng", "liên kết", dựa vào sự che chở của nhà nước, phải hành động theo mệnh lệnh hành chính của chính quyền thay vì theo mệnh lệnh của thị trường. Tín hiệu của thị trường hoàn toàn mất hiệu lực.

Vì vậy, cần nên xác định đúng vai trò của các thành phần kinh tế và vấn đề sở hữu. Nên xem sở hữu chỉ là



phương tiện chứ không phải là mục tiêu của phát triển kinh tế. Vấn đề là không phải nhà nước hay tư nhân mà là các doanh nghiệp có khả năng cạnh tranh hay không và chúng đóng góp cho xã hội như thế nào. Nhiệm vụ của nhà nước là đứng trung gian hỗ trợ cho các thành phần kinh tế phát triển chứ không phải tìm cách nâng đỡ, áp đặt thành phần này cho nền kinh tế, gây tổn hại cho thành phần kia. Do đó, nhà nước nên tránh ồm ồm việc gì tư nhân có thể làm được thì để họ làm thậm chí nếu xét thấy cần thiết có thể thu hẹp qui mô kinh doanh của nhà nước, đẩy mạnh hơn nữa vai trò của kinh tế tư nhân, nếu không sẽ rơi vào tình trạng việc gì cũng làm mà kết quả thì trong nhiều trường hợp lại không cao. Kinh nghiệm các nước cho thấy khu vực

kinh tế nhà nước càng lớn thì nền kinh tế càng phát triển chậm chạp.

Hai là, cũng xuất phát từ sự mơ hồ trong cách hiểu hai từ chủ đạo ở trên, nhà nước vừa can thiệp "quá sâu" vừa "quá nông" vào nền kinh tế, buông cái cần nắm nhưng lại nắm cái lẽ ra nên buông, không xác định được một giới hạn hợp lý cho sự can thiệp của mình vào quá trình kinh tế. Do vậy, việc xác định một giới hạn lý tưởng cho sự can thiệp đó là cực kỳ quan trọng.

Vấn đề môi trường là một vấn đề tiêu biểu. Nhà nước đã không chú ý một cách đầy đủ và kịp thời nạn phá rừng. Nó đã trở thành một vấn đề nghiêm trọng đến nỗi có người nói rằng Thái Lan phát triển kinh tế trên cơ sở phá rừng nhưng Việt Nam không thể như thế được "vì việc ấy đã được làm xong rồi". Đến nay hẳn ai cũng biết hậu quả của nó như thế nào ở nước ta.

Ngoài ra, sự ô nhiễm không khí, nước, vệ sinh thực phẩm cũng biểu hiện nhiều dấu hiệu rất xấu.

Do những phân tích trên, đồng thời với việc xác định một phạm vi hợp lý của sự can thiệp của nhà nước đối với nền kinh tế thì vấn đề tạo ra và thúc đẩy mạnh mẽ một môi trường và động lực cạnh tranh, đem lại sự bình đẳng về cơ hội cho tất cả các chủ thể kinh tế trên cơ sở một hệ thống thể chế và chính sách kinh tế thông minh là cực kỳ quan trọng.

Trong môi trường ấy, kinh tế tư nhân phải được phát triển mạnh mẽ. Đó thường là nơi tạo ra số lượng công việc làm nhiều nhất, là nơi sản xuất ra số lượng sản phẩm lớn nhất, chất lượng cao nhất, là nơi áp dụng kỹ thuật mới, và mô hình quản lý tiên tiến nhanh nhất, là nơi sản sinh ra một đội ngũ những nhà doanh nghiệp giỏi nhất.

Trong môi trường đó, các công cụ đòn bẩy của kinh tế thị trường phải được thể hiện đầy đủ tác dụng, trong

đó giá cả và lợi nhuận là hai tín hiệu cực kỳ quan trọng. Tất nhiên một khi đã đưa ra được một hệ thống các thể chế pháp lý khoa học thì không có gì phải e dè với các công cụ ấy cả. Giáo lý đầu tiên của kinh tế học chỉ ra rằng chính giá cả, lợi nhuận đặt trong quan hệ cung cầu là các công cụ quyết định giúp cho tài nguyên khan hiếm của một quốc gia được sử dụng một cách hiệu quả nhất.

Một môi trường cạnh tranh như thế là cực kỳ quan trọng bởi lẽ:

Thứ nhất: nếu không có cạnh tranh sẽ không có động lực để phát triển mà một nền kinh tế không có động lực chẳng khác nào "buồm không có gió".

Thứ hai: nếu không có cạnh tranh sẽ không có được các nhà quản lý giỏi, các nhà doanh nghiệp giỏi và lực lượng lao động có kỹ năng. Trong điều kiện một nền kinh tế mở, tư bản nước ngoài vào càng nhiều, nếu không có đội ngũ ấy thì không có đối tác cần sức từ đó rất dễ bị thống trị. Do vậy, ở một mức độ nào đó, để có thể sánh vai được với tư bản nước ngoài trong cạnh tranh thì trong vấn đề thiết lập các chính sách kinh tế nên để cho giới doanh nhân của tất cả các thành phần kinh tế có tiếng nói nhất định.

Cải cách kinh tế ở Việt Nam có thành công hay không phụ thuộc một cách quyết định vào vai trò của nhà nước. Ngoài những chức năng và công cụ vốn có của nhà nước việc tạo ra và thúc đẩy một môi trường và động lực cạnh tranh lý tưởng, việc tạo ra một "sân chơi đồng nhất" kiểu kinh tế thị trường, việc xác định một giới hạn hợp lý của sự can thiệp của chính phủ vào nền kinh tế là cực kỳ quan trọng. Đó là một trong vài bí quyết để Việt Nam thoát khỏi nguy cơ tụt hậu xa hơn đối với các nước Đông Nam Á ♣

Thông báo

Tạp chí Phát triển Kinh tế xin trân trọng thông báo về chủ đề quý I/95 và tạp chí xuân 1995 (xuân Ất Hợi) như sau:

1. Chủ đề quý I/95

- Tháng 1.95: Phát triển nguồn nhân lực
- Tháng 2.95: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế
- Tháng 3.95: Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế

2. Về tạp chí xuân 1995

- Tạp chí xuân 1995 tập trung vào chủ đề là phát triển nguồn nhân lực; những bài khảo cứu, đánh giá, nhìn lại những vấn đề kinh tế vĩ mô, vĩ mô trong năm qua cũng như dự báo hướng phát triển trong năm tới; cùng với những bài viết về phong tục tập quán đầu xuân. Thời gian để nhận bài cho tạp chí xuân hạn chót là 25.12.1994.

- Giá bán tạp chí xuân: 7.000đ/tờ

Ban biên tập TC.PTKT rất mong bạn đọc tiếp tục tham gia viết bài cũng như đặt mua tạp chí xuân. Mọi chi tiết xin liên hệ tại tòa soạn số 59C Nguyễn Đình Chiểu Q3, TP.HCM. ĐT: 295635-242162